

多音多义字

二. 根据读音，把词语归类。

1.

削

a	xuē	
b	xiāo	

剥削

削皮

2.

率

a	lǜ	
b	shuài	

率领

税率

3.

丧

a	sāng	
b	sàng	

丧礼

丧失

4.

蒙

a	mēng	
b	měng	

蒙骗

蒙古

5.

弹

a	dàn	
b	tán	

弹簧

子弹

